

Bản án số: 05/2024/KDTM - ST

Ngày 24/5/2024

V/v: Yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế
và xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG – TỈNH LÀO CAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Như Long

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Trần Thị Thu Hương

2/ Bà Trần Thị Huệ

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Chu Quyết Thắng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2024/TLST - KDTM ngày 14/3/2024 về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế số 01/2022/LAVITA-TS/HĐKT ngày 14/01/2022 và yêu cầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST - KDTM ngày 13/5/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần Q.

Địa chỉ: Khu công nghiệp T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Mạnh V - Chức vụ: Phó Giám đốc.

Cùng địa chỉ: Khu công nghiệp T, huyện B, tỉnh Lào Cai (Theo giấy ủy quyền số: 240301/UQ-LVT ngày 13/3/2024) - Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn:** Công ty cổ phần T1.

Địa chỉ văn phòng công ty: Số nhà D, ngõ B, đường L, quận T, thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức L - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số D, tổ G phường M, quận C, thành phố Hà Nội - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Văn H - Luật sư công ty L3 và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Số B, N phố T, T, quận Đ, thành phố Hà Nội - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Mạnh V trình bày: Công ty cổ phần Q (gọi tắt là L1 - Bên A) và Công ty cổ phần T1 (gọi tắt là Tam S - Bên B) đã ký kết hợp đồng kinh tế số: 01/2022/LAVITA-TS/HĐKT, ký

ngày 14 tháng 01 năm 2022. Theo đó, bên B sẽ thực hiện gói thầu CTTB - 01: Chế tạo, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện thiết bị và bồn chứa phi tiêu chuẩn của dây chuyền sản xuất axit Phốt Pho ríc bằng phương pháp nhiệt, công suất 6.600 tấn/năm trong vòng 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Nội dung công việc của gói thầu gồm hai phần là gia công chế tạo thiết bị, bồn chứa phi tiêu chuẩn trong nhà tại xưởng bên B và chế tạo bồn chứa tại công trình của bên A với tổng giá trị của hợp đồng đã bao gồm cả thuế VAT là 21.794.548.767 đồng.

Trong quá trình thực hiện gói thầu, bên B nhiều lần vi phạm cơ bản nội dung trong hợp đồng về tiến độ cũng như chất lượng của gói thầu. Các nội dung vi phạm của bên B được thể hiện rõ trong các biên bản làm việc giữa bên A và bên B do nguyên đơn đã nộp tại Tòa án.

Căn cứ hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết và các vi phạm của công ty cổ phần T1 đã vi phạm đối với các điều khoản trong hợp đồng kinh tế số: 01/2022/LAVITA-TS/HĐKT ký ngày 14 tháng 01 năm 2022. Công ty cổ phần Q đã phải ra thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với công ty cổ phần T1, đồng thời căn cứ theo nội dung biên bản làm việc ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc thanh lý hợp đồng số 01/2022/LAVITA-TS/HĐKT ngày 14 tháng 01 năm 2022, hai bên thống nhất: Bên B đã bàn giao cho bên A toàn bộ vật tư thanh lý tại công trình cho bên A với tổng giá trị thanh toán theo thỏa thuận là 9.991.102.370 đồng (Chín tỷ, chín trăm chín một triệu, một trăm linh hai nghìn, ba trăm bảy mươi đồng). Trong đó, bên A đã tạm ứng cho bên B vào ngày 24/01/2022 số tiền là 7.628.092.068 đồng. Số tiền còn lại bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B là 2.363.010.302 đồng sẽ được bên A thanh toán cho bên B ngay sau khi bên B hoàn thiện hồ sơ liên quan đến thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A theo quy định.

Sau khi hai bên thống nhất thỏa thuận thanh lý hợp đồng công ty cổ phần Q đã thuê nhà thầu khác và sử dụng vật tư thanh lý này để tiếp tục sử lý thực hiện thi công công trình của dự án. Tuy nhiên, đến thời điểm này, bên B vẫn chưa có động thái gì để xuất hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ cho bên A. Điều này dẫn đến việc chậm trễ trong việc hoàn thiện hồ sơ quyết toán dự án. Khiến cho dự án của bên A không thể hoàn thành và đưa vào sử dụng gây nên thiệt hại về kinh tế nghiêm trọng cho bên A.

Đến nay Công ty cổ phần Quốc tế Lavita, với tư cách là nguyên đơn trong vụ án này, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng liên quan đến hậu quả pháp lý khi chấm dứt hợp đồng cụ thể: Đề nghị Tòa án tuyên chấm dứt hợp đồng kinh tế số 01/2022/LAVITA-TS/HĐKT ngày 14 tháng 01 năm 2022 giữa công ty Q và công ty cổ phần T1. Buộc Công ty cổ phần T1 phải có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho công ty cổ phần Q với tổng số tiền hai bên thỏa thuận là 9.991.102.363 đồng (Chín tỷ, chín trăm chín một triệu, một trăm linh hai nghìn, ba trăm sáu ba đồng) theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đỗ Văn H: xác nhận nội dung trình bày của công ty Q là hoàn toàn đúng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công chế tạo, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện thiết bị bồn chứa

phi tiêu chuẩn của dây chuyền sản xuất a xít phốt pho ríc bằng phương pháp nhiệt, công suất 6.600 tấn/năm tại khu công nghiệp T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Với tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT là: 21.794.548.767 đồng, trong đó thuế VAT là: 1.981.322.615 đồng. Sau khi ký hợp đồng công ty T1 tiếp tục ký Hợp đồng số 01/2022-TP/TS-CCIC/HĐCT ngày 18/01/2022 với Chi nhánh Công ty TNHH MTV X - lắp máy (viết tắt là CCIC) để thực hiện toàn bộ gói thầu CTTB-01 nêu trên. Chi nhánh CCIC đã nhận tạm ứng 7.283.139.455 đồng của công ty T1 để thực hiện mua vật tư, tổ chức công việc gia công chế tạo đáp ứng theo bản vẽ và kỹ thuật, vật tư đúng chủng loại yêu cầu, tiến độ thi công đảm bảo thời hạn hai bên đã thỏa thuận. Nhưng trong quá trình thực hiện, bên Chi nhánh C đã không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, tiến độ gia công chế tạo của gói thầu CTTB-01, không đủ năng lực thực hiện công việc. Mặt khác đưa vật tư không rõ nguồn gốc vào thi công dẫn đến công ty cổ phần Q đã ngừng thi công và thông báo chấm dứt, thanh lý hợp đồng giữa hai bên. Công ty Q có trách nhiệm mua lại toàn bộ vật tư do công ty T1 đã tập kết theo biên bản làm việc và bàn giao vật tư thiết bị thanh lý giữa hai công ty ngày 21/12/2022 với tổng giá trị hai bên thống nhất thỏa thuận là 9.991.102.363 đồng (Chín tỷ, chín trăm chín một triệu, một trăm linh hai nghìn, ba trăm sáu ba đồng) trong đó công ty T1 đã nhận tạm ứng của công ty Q số tiền là 7.628.092.068 đồng. Số tiền còn lại theo đối chiếu giữa hai công ty là 2.363.010.302 đồng sẽ được bên A thanh toán cho bên B sau khi bên B hoàn thiện xuất trình đầy đủ các chứng từ hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A theo quy định.

Đến nay Công ty T1 chưa thực hiện được theo yêu cầu đã thỏa thuận với bên A với lý do chi nhánh C là công ty con chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng VAT cho công ty T1 nên công ty T1 chưa có cơ sở xuất hóa đơn VAT cho công ty Q.

Đến nay Công ty cổ phần Q làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt hợp đồng kinh tế giữa hai công ty và yêu cầu công ty cổ phần T1 xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với khoản tiền thanh lý vật tư là 9.991.102.363 đồng (Chín tỷ, chín trăm chín một triệu, một trăm linh hai nghìn, ba trăm sáu ba đồng) cho công ty Q.

Công ty cổ phần T1 nhất trí với yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần Q về việc chấm dứt hợp đồng nhưng không nhất trí yêu cầu về xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền hai bên đã thỏa thuận và đề nghị L1 cho thêm thời gian giải quyết với chi nhánh công ty TNHH MTV xây lắp hóa chất - Lắp máy (CCIC) xuất hóa đơn VAT cho Công ty T1, để làm cơ sở pháp lý cho Công ty T1 có hóa đơn đầu vào đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều d Khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ra quyết định tạm đình chỉ vụ án này để chờ kết quả giải quyết vụ án mà công ty T1 khởi kiện chi nhánh công ty TNHH MTV xây lắp hóa chất - Lắp máy (CCIC) để làm căn cứ giải quyết yêu cầu của Công ty cổ phần Q.

Ý kiến trình bày của ông Phạm Đức L bị đơn trình bày: nhất trí với nội dung ông Đỗ Văn H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ở trên, không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty cổ phần Q khởi kiện yêu cầu công ty cổ phần T1 do ông Phạm Đức L làm giám đốc về việc thanh lý chấm dứt hợp đồng kinh tế số 01/2022/LAVITA-TS/HĐKT ngày 14/01/2022 và yêu cầu Tam sơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với gói thầu CTTB-01: Chế tạo, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện thiết bị và bồn chứa phi tiêu công trình đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất a xít Phốt pho ríc bằng phương pháp nhiệt công suất 6,600 tấn/năm tại khu công nghiệp T, huyện B, tỉnh Lào Cai là nơi các bên thực hiện việc ký kết hợp đồng để giải quyết vụ án là có căn cứ đúng thẩm quyền, phù hợp với yêu cầu thỏa thuận về giải quyết tranh chấp của các bên khi xảy ra tranh chấp phát sinh; Phù hợp với các quy định tại các Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng gia công, chế tạo, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện thiết bị và bồn chứa phi tiêu công trình đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất a xít Phốt pho ríc bằng phương pháp nhiệt công suất 6,600 tấn/năm. Yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế đồng thời giải quyết hậu quả pháp lý về việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với khoản tiền mà hai bên đã thỏa thuận là đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về thời hiệu: Ngày 14/01/2022 công ty cổ phần Q ký kết hợp đồng kinh tế số 01/2022/LAVITA-TS/HĐKT với công ty cổ phần T1 trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 21/12/2022 chấm dứt hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ dẫn đến việc ngày 25/12/2023 bên A khởi kiện đối với bên B. Như vậy về thời hiệu khởi kiện của công ty cổ phần Q là vẫn còn trong thời hạn quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[3] Về hình thức của hợp đồng: Công ty cổ phần Q và công ty cổ phần T1 thống nhất về hình thức và nội dung của hợp đồng kinh tế số 01/2022/LAVITA-TS/HĐKT ngày 14/01/2022 được ký kết theo đúng thẩm quyền, các điều khoản thỏa thuận không trái với các quy định của pháp luật, việc ký kết hợp đồng đều dựa trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện và tôn trọng quyền và lợi ích chính đáng của các bên tham gia. Do vậy hợp đồng trên được ký kết giữa hai công ty là hợp pháp và đúng với các quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung của hợp đồng: Ngày 14/01/2022 công ty cổ phần Q ký hợp đồng hợp đồng kinh tế số 01/2022/LAVITA-TS/HĐKT với Công ty cổ phần T1 về việc bên B thực hiện gói thầu CTTB-01: Chế tạo, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện thiết bị và bồn chứa phi tiêu chuẩn của dây chuyền sản xuất axít Phốt Pho ríc bằng phương pháp nhiệt, công suất 6.600 tấn/năm trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Nội dung công việc của gói thầu gồm hai phần là chế tạo thiết bị, bồn chứa phi tiêu chuẩn trong nhà (gọi tắt là thiết bị trong nhà) tại xưởng. Bên B lắp đặt và chế tạo bồn chứa tại công trình của Bên A.

Sau khi ký kết hợp đồng, trong quá trình thực hiện gói thầu, bên B vi phạm những quy định tại điều 6.2, điều 7 và điều 8 trong hợp đồng về tiến độ thi công cũng như chất lượng công trình của gói thầu cụ thể tại các biên bản làm việc ngày 18/02/2022 và ngày 08/4/2022 bên B tự ý đưa vật tư vào chế tạo khi chưa lấy

mẫu, chưa đủ kết quả phân tích vật liệu, chất liệu gia công của bên B không đáp ứng yêu cầu chất lượng đã cam kết; Biên bản làm việc ngày 10/6/2022 bên B không xuất trình được đầy đủ chứng từ của một số vật tư đưa vào thi công theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết; Biên bản làm việc ngày 19/7/2022 về việc bên A yêu cầu bên B thực hiện gói thầu theo tiến độ, đảm bảo công tác kiểm tra, quản lý chất lượng thiết bị lắp đặt và cung cấp đầy đủ chứng từ theo yêu cầu của hợp đồng. Đồng thời bên A có văn bản yêu cầu bên B khắc phục những nội dung vi phạm liên quan đến việc chế tạo bồn chứa tại công trình nhưng bên B không thực hiện. Đến ngày 20/10/2022 bên A có công văn số 124/CV-LAVITA yêu cầu bên B tạm ngừng thi công, công trình. Tiếp đó đến ngày 30/11/2022 bên A làm việc với bên B và thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với bên B và đề xuất phương án xử lý hậu quả chấm dứt hợp đồng hai bên đã đi đến thống nhất theo biên bản làm việc ngày 16/12/2022 bên A nhận mua lại toàn bộ vật tư thiết bị đã lắp đặt và chưa lắp đặt đã tập kết đến công trình, đồng thời hai bên thống nhất bên B đã bàn giao cho bên A toàn bộ vật tư thanh lý tại công trình cho bên A với tổng giá trị tài sản thanh lý là 9.991.102.370 đồng (Đã bao gồm thuế VAT). Trong đó, bên A đã tạm ứng cho bên B vào ngày 24/01/2022 số tiền là 7.628.092.068 đồng. Số tiền còn lại bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B là 2.363.010.302 đồng sẽ được bên A thanh toán cho bên B ngay sau khi bên B hoàn thiện xuất trình đầy đủ các chứng từ liên quan và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A theo quy định.

Sau khi thống nhất thỏa thuận chấm dứt, thanh lý hợp đồng công ty cổ phần Q đã thuê nhà thầu khác và sử dụng vật tư thanh lý này để tiếp tục sử lý thực hiện thi công công trình của dự án. Tuy nhiên, đến thời điểm này, bên B vẫn chưa có động thái gì để xuất hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ cho bên A. Điều này dẫn đến việc chậm trễ trong việc hoàn thiện hồ sơ quyết toán dự án. Khiến cho dự án của bên A không thể hoàn thành và đưa vào sử dụng gây nên thiệt hại về kinh tế nghiêm trọng cho bên A.

Do vậy đến nay công ty cổ phần Q khởi kiện yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng kinh tế số 01/2022/LAVITA-TS/HĐKT ký ngày 14/01/2022 giữa công ty cổ phần Q và công ty cổ phần T1 và giải quyết hậu quả pháp lý buộc công ty cổ phần T1 phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với tổng số tiền vật tư thiết bị là 9.991.102.370 đồng cho công ty Q.

Tại phiên tòa Công ty cổ phần T1 đồng ý với nội dung yêu cầu chấm dứt việc thực hiện hợp đồng số 01/2022/LAVITA-TS/HĐKT ký ngày 14/01/2022 và giữ nguyên nội dung thỏa thuận thống nhất theo biên bản làm việc ngày 21/12/2022 giữa công ty cổ phần Q và công ty cổ phần T1 bên B đã bàn giao cho bên A toàn bộ vật tư thanh lý tại công trình cho bên A với tổng giá trị tài sản thanh lý là 9.991.102.370 đồng (Đã bao gồm thuế VAT). Bên A đã tạm ứng cho bên B vào ngày 24/01/2022 số tiền là 7.628.092.068 đồng. Số tiền còn lại bên A còn phải thanh toán cho bên B là 2.363.010.302 đồng sẽ được bên A thanh toán cho bên B ngay sau khi bên B hoàn thiện xuất trình đầy đủ các chứng từ liên quan và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A theo quy định.

Nay công ty cổ phần T1 không đồng ý nội dung yêu cầu công ty T1 xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với tổng số tiền là 9.991.102.370 đồng với những lý do bị đơn đưa ra tại phiên tòa là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ:

- Công ty T1 ký kết hợp đồng số 01/2022LAVITA-TS/HĐKT ngày 14/01/2022 là hoàn toàn độc lập và phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nội dung trong hợp đồng đã ký kết với công ty cổ phần Q.

- Công ty T1 đã ký kết hợp đồng số 01/2022-TP/TS-CCIC/HĐCT ngày 18/01/2022 với chi nhánh công ty TNHH MTV X - Lắp máy do ông Nguyễn Văn L2 - Giám đốc là người đại diện để thực hiện cung cấp vật tư và thi công dự án: Gia công chế tạo, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện thiết bị và bồn chứa phi tiêu chuẩn của dây chuyền sản xuất axit Phốt Pho ríc bằng phương pháp nhiệt, công suất 6.600 tấn/năm theo hợp đồng đã ký kết với công ty Q là không có sự đồng ý của công ty Q. Công ty Q hoàn toàn không biết về nội dung Tam Sơn ký kết hợp đồng số 01/2022-TP/TS-CCIC/HĐCT ngày 18/01/2022 với chi nhánh công ty TNHH MTV X - Lắp máy do ông Nguyễn Văn L2 - Giám đốc.

- Trong quá trình thực hiện thi công công ty T1 không kiểm tra giám sát, khoán trọn gói để cho chi nhánh công ty TNHH MTV X máy thực hiện dẫn đến những lỗi vi phạm như Hội đồng xét xử đã nêu.

Do vậy công ty Q yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên chấm dứt hợp đồng 01/2022 LAVITA-TS/HĐKT ngày 14/01/2022 giữa công ty cổ phần Q và công ty cổ phần T1 và yêu cầu công ty cổ phần T1 phải phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với tổng số tiền vật tư thiết bị là 9.991.102.370 đồng (Đã bao gồm thuế VAT) cho công ty Q là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu đề nghị của Công ty cổ phần T1 tại phiên tòa có đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tạm đình chỉ vụ án theo quy định tại Điểm d Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự để chờ kết quả giải quyết vụ án do công ty T1 khởi kiện chi nhánh công ty TNHH MTV X - Lắp máy do ông Nguyễn Văn L2 - Giám đốc, đề xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào, làm cơ sở cho công ty T1 xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho L1 là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ:

Công ty T1 và chi nhánh công ty TNHH MTV X - Lắp máy do ông Nguyễn Văn L2 - Giám đốc ký kết hợp đồng với nhau là độc lập và tự chịu trách nhiệm khi thực hiện hợp đồng. Mặt khác trong hợp đồng giữa công ty Q và công ty T1 đã ký kết ngày 14/01/2022 không có điều khoản nào liên quan đến việc chi nhánh công ty TNHH MTV X máy do ông Nguyễn Văn L2 - Giám đốc thực hiện gói thầu do Tam S đã ký kết với công ty Q.

[6]. Về án phí: Công ty cổ phần T1 phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty Cổ phần Q không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 179, 182 và Điều 310 Luật thương mại;

Căn cứ vào các Điều 542; Điều 543; Điều 546; Điều 551 và Điều 553 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 40; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần Q.

1. Chấm dứt thực hiện hợp đồng kinh tế số 01/2022/LAVITA - TS/HĐKT ngày 14/01/2022 giữa công ty cổ phần Q với công ty cổ phần T1 kể từ ngày 21/12/2022.

2. Buộc công ty cổ phần T1 phải có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với tổng số tiền là 9.991.102.363 đồng (Chín tỷ, chín trăm chín một triệu, một trăm linh hai nghìn, ba trăm sáu ba đồng) (Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT) cho công ty cổ phần Q.

3. Về án phí: Buộc Công ty cổ phần T1 phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty cổ phần Q không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000842 ngày 14/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (02);
- Các đương sự (02);
- Người bảo vệ QLIHP của bị đơn;
- THADS huyện Bảo Thắng;
- Lưu HS, TQĐ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Như Long

